

sinh tinh của một cơ thể ruồi giấm đực có kiểu gen AB/ab giảm phân sẽ tạo ra loại giao tử mang gen AB với tỷ lệ

A. 10%.

B. 20%.

C. 40%.

D. 50%.

Câu 89: Cấu trúc di truyền của quần thể ban đầu: $0,2 AA + 0,6 Aa + 0,2 aa = 1$. Sau 2 thế hệ tự phối thì cấu trúc di truyền của quần thể sẽ như thế nào?

A. $0,35 AA + 0,30 Aa + 0,35 aa = 1$

B. $0,425 AA + 0,15 Aa + 0,425 aa = 1$

C. $0,25 AA + 0,50 Aa + 0,25 aa = 1$

D. $0,4625 AA + 0,075 Aa + 0,4625 aa = 1$.

Câu 90: Một loài động vật, xét 1 locut gen gồm 2 alen trội, lặn hoàn toàn, trong đó, alen A quy định mắt đỏ còn alen a quy định mắt trắng. Ở một quần thể có cấu trúc di truyền ở thế hệ ban đầu (P) như sau:

- Giới đực: $0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa$.

- Giới cái: $0,25AA : 0,5Aa : 0,25aa$.

Quần thể trên giao phối ngẫu nhiên qua các thế hệ. Phát biểu nào sau đây chưa chính xác?

A. quần thể F1 chưa đạt trạng thái cân bằng di truyền

B. tỷ lệ mắt đỏ thuần chủng gấp 1,5 lần tỷ lệ mắt trắng ở thế hệ F1.

C. tỷ lệ mắt đỏ không thuần chủng ở F1 là 49,5%

D. quần thể sẽ đạt trạng thái cân bằng di truyền ở thế hệ F2.

Câu 91: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về quá trình nhân đôi ADN?

A. enzym ligaza hoạt động ở cả 2 mạch trong một đơn vị nhân đôi.

B. trong một đơn vị nhân đôi, có một mạch tổng hợp liên tục.

C. quá trình nhân đôi ADN diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bảo toàn.

D. quá trình nhân đôi ADN diễn ra ở kỳ đầu của quá trình nguyên phân

Câu 92: Ở một loài thực vật, màu sắc hoa do hai cặp gen không alen tương tác tạo ra. Cho hai cây hoa trắng thuần chủng giao phấn với nhau được F1 toàn hoa đỏ. Cho F1 giao phấn ngẫu nhiên với nhau được F2 có tỷ lệ 9 hoa đỏ: 7 hoa trắng. Khi lấy ngẫu nhiên một cây hoa đỏ F2 cho tự thụ phấn thì xác suất để thế hệ sau không có sự phân ly kiểu hình là?

A. 1/3.

B. 1/9.

C. 9/16.

D. 9/7.

Câu 93. Khi nói về hoán vị gen, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Ở tất cả các loài sinh vật, hoán vị gen chỉ xảy ra ở giới cái mà không xảy ra ở giới đực.

B. Tần số hoán vị gen không vượt quá 50%.

C. Hoán vị gen làm tăng biến dị tổ hợp.

D. Tần số hoán vị gen phản ánh khoảng cách tương đối giữa các gen trên nhiễm sắc thể.

Câu 94. Trong các phát biểu sau đây, những phát biểu nào **sai**?

A. Quần thể tự thụ phấn nghiêm ngặt trong tự nhiên bao gồm các cây chủ yếu là thuần chủng.

B. Quần thể động vật ngẫu phối trong tự nhiên khi cho tiến hành giao phối cận huyết có thể xuất hiện hiện tượng thoái hóa giống.

C. Xét một gen gồm 2 alen của một quần thể ngẫu phối, alen trội là trội hoàn toàn, biết quần thể đang ở trạng thái cân bằng di truyền, từ tỉ lệ % một loại kiểu hình có thể suy ra tỉ lệ tương đối của các loại kiểu gen trong quần thể.

D. Một quần thể có thành phần kiểu gen là $0,6AA : 0,4aa$, sau nhiều thế hệ thành phần kiểu gen của quần thể này vẫn không thay đổi. Quần thể trên là quần thể ngẫu phối.

- A. môi trường dinh dưỡng nuôi Escherichia coli phức tạp.
- B. Escherichia coli không mẫn cảm với thuốc kháng sinh.
- C. Escherichia coli có tần số phát sinh đột biến gây hại cao.
- D. Escherichia coli có tốc độ sinh sản nhanh.

Câu 105: Kiểu hình của cơ thể là kết quả của yếu tố nào?

- A. quá trình phát sinh đột biến.
- B. sự tương tác giữa kiểu gen với môi trường.
- C. sự phát sinh các biến dị tổ hợp.
- D. sự truyền đạt những tính trạng của bố mẹ cho con cái.

Câu 106: Cho biết 5'AUG3': Met; 5'UAU3' và 5'UAX3': Tyr; 5'UGG3': Trp; 5'UAA3', 5'UAG3', 5'UGA3':kết thúc.Xét một đoạn trình tự mARN: 5' AUG UAU UGG 3'. Trình tự các nucleotit tương ứng là: 123 456 789. Trên phân tử mARN nói trên có mấy cách đột biến điểm thay thế cặp nucleotit làm kết thúc sớm quá trình dịch mã?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 1.
- D. 4.

Câu 107: Ở người bệnh bạch tạng do gen lặn nằm trên NST thường quy định. Tại một huyện miền núi, tỉ lệ người bị bệnh bạch tạng là 1/10000. Tỉ lệ người mang kiểu gen dị hợp sẽ là bao nhiêu %

- A. 1,98%.
- B. 49,5%.
- C. 50%.
- D. 0,5%.

Câu 108: Điều không đúng về NST giới tính ở người là gì?

- A. chỉ có trong tế bào sinh dục.
- B. số cặp NST bằng một.
- C. ngoài các gen quy định giới tính còn có các gen quy định tính trạng thường khác.
- D. tồn tại ở cặp tương đồng XX hoặc không tương đồng hoàn toàn XY.

Câu 109: Ở cà chua, gen A quy định quả đỏ trội hoàn toàn so với a quy định quả vàng, cây tứ bội giảm phân chỉ sinh ra loại giao tử 2n có khả năng thụ tinh bình thường. Xét các tổ hợp lai:

- (1). AAaa x AAaa.
- (2). Aaa x Aaaa.
- (3). AAaa x Aa.
- (4). Aaaa x Aaaa.
- (5). AAAa x aaaa.
- (6). Aaaa x Aa.

Theo lí thuyết, những tổ hợp lai nào sẽ cho tỉ lệ kiểu hình ở đời con 3 quả đỏ :1quả vàng?

- A. (3), (6).
- B. (2), (4), (6).
- C. (4), (5).
- D. (2), (4).

Câu 110. Tính theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có tỉ lệ phân li kiểu gen là 1 : 1?

- A. AabbDD × AABbDd.
- B. AABbDd × AaBBDD.
- C. AaBBDD × aaBbDD.
- D. AaBbdd × AaBBDD.

Câu 111. khi đem lai 2 giống đậu Hà lan thuần chủng khác nhau về 2 cặp tính trạng tương phản, ở thế hệ F2, Mendel đã thu được tỉ lệ phân tính về kiểu hình là:

- A. 9:3:3:1
- B. 3:3:3:3
- C. 1:1:1:1
- D. 3:3:1:1

Câu 112. Trường hợp các gen không alen khi cùng hiện diện trong một kiểu gen sẽ tạo kiểu hình riêng biệt là tương tác

- A. bổ trợ.
- B. át chế.
- C. cộng gộp.
- D. đồng trội.

Câu 113.Số nhóm gen liên kết ở mỗi loài bằng số:

- A. tính trạng của loài.
- B. nhiễm sắc thể lưỡng bội của loài.
- C. nhiễm sắc thể trong bộ đơn bội (n) của loài.
- D. giao tử của loài.

Câu 114. Một loài thực vật gen A quy định cây cao, gen a- cây thấp; gen B quả đỏ, gen b- quả trắng.

Cho cây có kiểu gen $\frac{AB}{ab}$ giao phấn với cây có kiểu gen $\frac{ab}{ab}$ tỉ lệ kiểu hình ở F1 :

- A. 1 cây cao, quả đỏ: 1 cây thấp, quả trắng.
- B. 3 cây cao, quả trắng: 1cây thấp, quả đỏ.
- C. 1cây cao, quả trắng: 3cây thấp, quả đỏ.
- D. 9cây cao, quả trắng: 7cây thấp, quả đỏ.

Câu 115: Một loài thực vật, ở thế hệ P có tỉ lệ Aa là 100%, khi bị tự thụ phấn bắt buộc thì ở thế hệ F2 tỉ lệ Aa sẽ là:

- A. 25%. B. 50%. C. 75%. D. 12,5%.

Câu 116. Vốn gen của quần thể là :

- A. tổng số các kiểu gen của quần thể. B. toàn bộ các alen của tất cả các gen trong quần thể.
C. tần số kiểu gen của quần thể. D. tần số các alen của quần thể

Câu 117. Tần số tương đối các alen của một quần thể có tỉ lệ phân bố kiểu gen $0,81 AA + 0,18 Aa + 0,01 aa$ là:

- A. 0,9A; 0,1a. B. 0,7A; 0,3a. C. 0,4A; 0,6a. D. 0,3 A; 0,7a.

Câu 118. Theo quan niệm của Đacuyn, nhân tố chính quy định chiều hướng và tốc độ biến đổi của các giống vật nuôi, cây trồng là

- A. chọn lọc nhân tạo. B. chọn lọc tự nhiên. C. biến dị cá thể. D. biến dị xác định.

Câu 119: Hiện tượng khống chế sinh vật là yếu tố dẫn đến:

- A. Sự tiêu diệt của một loài nào đó trong quần xã B. Sự phát triển của một loài nào đó trong quần xã
C. Trạng thái cân bằng sinh học trong quần xã. D. Sự biến đổi của quần xã

Câu 120: Số lượng quần thể khác nhau trong quần xã thể hiện của quần xã đó. Từ điền đúng là

- A. thời gian tồn tại B. tốc độ biến đổi
C. độ đa dạng. D. khả năng cạnh tranh